

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

đã được kiểm toán



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 – 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09 – 31

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai sau đây gọi tắt là (“Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024.

KHÁI QUÁT

Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3602500742 ngày 23/05/2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Bốc xếp hàng hóa. Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn. Sản xuất các cấu kiện kim loại. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: bán buôn dầu DO, FO. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Phá dỡ. Thoát nước và xử lý nước thải. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chuẩn bị mặt bằng. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Xây dựng nhà các loại. Lắp đặt hệ thống điện. Tái chế phế liệu. Hoạt động tư vấn quản lý.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1B-D3-KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Thuận	Chủ tịch
Ông Trần Văn Nguyên	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Ban	Thành viên
Ông Nguyễn Long Hưng	Thành viên
Ông Lê Đức Bình	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Đức Bình	Giám đốc
-----------------	----------

Ban Kiểm Soát

Ông Trần Trung Hiếu	Trưởng ban
Ông Lê Xuân Hồng	Thành viên
Bà Phạm Thị Anh Thơ	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật trong năm và đến ngày lập báo cáo này

Ông Lê Đức Bình	Giám đốc
-----------------	----------

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các hành vi khác.

Ban Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 31 và cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông Lê Đức Bình

Giám đốc

Đồng Nai, Ngày 14 tháng 03 năm 2025

Số: 30.12.3.1/24/BCTC/NVA.VP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Hội Đồng Quản trị và Ban Giám Đốc

Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai, được lập ngày 14/03/2025, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công Ty TNHH Kiểm Toán NVA
Phó Tổng Giám Đốc

Cao Thị Hồng Nga

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0613-2023-152-1
Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 03 năm 2025

Kiểm toán viên

Bùi Thị Như Lê

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2855-2025-152-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.595.044.674	26.500.625.013
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.078.792.633	7.911.262.022
1. Tiền	111		9.078.792.633	6.411.262.022
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	7.000.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.075.553.737	11.485.337.065
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	12.640.845.756	11.591.358.963
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.002.564	381.288.939
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	432.454.319	514.438.065
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.001.748.902)	(1.001.748.902)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	576.791.041	1.262.385.311
1. Hàng tồn kho	141		576.791.041	1.262.385.311
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		863.907.263	841.640.615
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	863.907.263	758.318.020
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	82.515.981
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	-	806.614
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.496.503.415	19.162.978.553
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		15.245.371.076	18.707.019.394
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	15.245.371.076	18.707.019.394
- Nguyên giá	222		53.385.467.655	53.470.467.655
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.140.096.579)	(34.763.448.261)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		251.132.339	455.959.159
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	251.132.339	455.959.159
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		45.091.548.089	45.663.603.566

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.651.376.933	8.998.124.573
I. Nợ ngắn hạn	310		8.651.376.933	8.998.124.573
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	7.092.571.737	7.982.404.764
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	397.381.618	194.217.441
4. Phải trả người lao động	314		1.001.653.644	589.636.100
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	108.420.119	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	21.151.416	34.447.818
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		30.198.399	197.418.450
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
2. Phải trả dài hạn khác	337			
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		36.440.171.156	36.665.478.993
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	36.440.171.156	36.665.478.993
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.161.643.776	2.809.317.985
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.278.527.380	3.856.161.008
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		381.044.268	332.903.098
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.897.483.112	3.523.257.910
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		45.091.548.089	45.663.603.566

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc

Nguyễn Thị Hoàng Lan

Nguyễn Thị Hoàng Lan

Lê Đức Bình

Đồng Nai, Ngày 14 tháng 03 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	90.369.259.653	95.864.249.040
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	90.369.259.653	95.864.249.040
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	83.027.808.446	87.192.522.807
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.341.451.207	8.671.726.233
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	312.546.475	154.905.772
7. Chi phí tài chính	22		-	14.288.073
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	14.288.073
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	154.968.400	153.468.400
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	3.770.552.941	4.008.598.955
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.728.476.341	4.650.276.577
11. Thu nhập khác	31	VI.6	10.392.848.102	830
12. Chi phí khác	32	VI.7	10.380.988.958	49.979.556
13. Lợi nhuận khác	40		11.859.144	(49.978.726)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.740.335.485	4.600.297.851
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	842.852.373	1.077.039.941
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.897.483.112	3.523.257.910
18. Lãi (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	850	1.033
19. Lãi (Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71		850	1.033

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc

Nguyễn Thị Hoàng Lan

Nguyễn Thị Hoàng Lan

Lê Đức Bình

Đồng Nai, Ngày 14 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.740.335.485	4.600.297.851
2. Điều chỉnh các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.461.648.318	4.002.980.360
- Các khoản dự phòng	03	-	59.517.201
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(337.546.475)	(154.905.772)
- Chi phí đi vay	06	-	14.288.073
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	6.864.437.328	8.522.177.713
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(506.894.077)	163.854.449
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	685.594.270	(143.984.802)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(275.778.703)	(1.116.580.209)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	99.237.577	408.782.071
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(14.288.073)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(746.601.259)	(1.065.780.165)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(590.011.000)	(243.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.529.984.136	6.510.830.984
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(1.114.909.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	25.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	(5.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	312.546.475	154.905.772
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.662.453.525)	(5.960.003.319)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	3.832.730.001
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(3.832.730.001)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.700.000.000)	(2.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.700.000.000)	(2.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.167.530.611	(1.849.172.335)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	7.911.262.022	9.760.434.357
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	9.078.792.633	7.911.262.022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc

Nguyễn Thị Hoàng Lan

Nguyễn Thị Hoàng Lan

Lê Đức Bình

Đồng Nai, Ngày 14 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu

Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3602500742 ngày 23/05/2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1B-D3-KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai – Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Thương mại và cung cấp dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Bốc xếp hàng hóa. Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn. Sản xuất các cấu kiện kim loại. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: bán buôn dầu DO, FO. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Phá dỡ. Thoát nước và xử lý nước thải. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chuẩn bị mặt bằng. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Xây dựng nhà các loại. Lắp đặt hệ thống điện. Tái chế phế liệu. Hoạt động tư vấn quản lý.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thương mại và cung cấp dịch vụ nên chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty là chu kỳ kinh doanh trong 12 tháng theo thực tế.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31/12/2024 là: 45 người (tại ngày 31/12/2023 là 53 người). Công ty không có khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và cũng không có đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán để lập báo cáo tài chính.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Trong năm công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:

+ Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được xác định theo nguyên tắc sau:

+ Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm sau khi được bù trừ chênh lệch tăng với chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b) Đầu tư vào công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

e) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tổn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
- Máy móc, thiết bị	05 – 20	05 – 20
- Phương tiện vận tải	08 – 10	08 – 10
- Tài sản cố định khác	01 – 10	01 – 10

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán/riêng nếu có hợp nhất của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ý chứng khoán được xác lập.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê hoạt động phải được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động được theo dõi theo thời gian đã thanh toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

05213
CÔNG
TNI
EM T
NV
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (năm trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khỏi lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phân ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	184.195.192	253.824.424
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.894.597.441	6.157.437.598
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	1.500.000.000
Cộng	9.078.792.633	7.911.262.022

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a1. Ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Phát Triển Tp.HCM	5.000.000.000	5.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển	2.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	7.000.000.000	7.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000

3. Phải thu khách hàng

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công Ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	7.279.154.617	6.368.516.672
Công Ty TNHH Logistics Cát Tường	1.812.727.999	436.769.999
Công Ty TNHH Hà Thanh Bình	177.214.540	246.013.500
Công Ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	184.184.945	294.455.815
Công Ty TNHH XNK Dịch Vụ Vận Tải Nguyên Long Vương	64.150.363	68.664.851
Công Ty Cổ phần Tiếp Vận số 1 Đồng Nai	627.885.223	1.965.738.014
Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Việt Ân	125.814.000	121.820.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản IMC	110.974.000	-
Các khách hàng khác	2.258.740.069	2.089.380.112
Cộng	12.640.845.756	11.591.358.963

Phải thu khách hàng với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2

4. Trả Trước cho người bán

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công Ty TNHH Thương Mại Dầu Khí Thành Đại Phát	-	379.800.000
Công Ty TNHH Thu Phí Tự Động VETC	4.002.564	1.488.939
Cộng	4.002.564	381.288.939

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

Tạm ứng
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai
Phải thu các khoản chi hộ
Cộng

Cuối năm VND	Đầu năm VND
82.000.000	72.906.000
32.143	-
350.422.176	441.532.065
432.454.319	514.438.065

Phải thu khác với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2

6. Nợ xấu

	Cuối năm			Đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	
a. Phải thu khách hàng							
Công Ty CP Vận Tải Tấn Mạnh Phát	26.887.490	(26.887.490)	-	26.887.490	(26.887.490)	-	
Công Ty TNHH Far East Pearl Chartering & Shipbroking	217.441.165	(217.441.165)	-	217.441.165	(217.441.165)	-	
Công Ty TNHH Bất Động Sản Trần Thái	11.823.499	(11.823.499)	-	11.823.499	(11.823.499)	-	
Công Ty TNHH TM VT Quốc Thiên Phú	217.275.975	(217.275.975)	-	217.275.975	(217.275.975)	-	
Công Ty TNHH SX TM Lửa Xanh	187.855.002	(187.855.002)	-	187.855.002	(187.855.002)	-	
Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dịch Vụ Song Hà Phát	9.520.000	(9.520.000)	-	9.520.000	(9.520.000)	-	
Công Ty TNHH Vương Trang	78.170.441	(78.170.441)	-	78.170.441	(78.170.441)	-	
Công Ty TNHH VT Nguyễn Xuân Thanh	252.775.330	(252.775.330)	-	252.775.330	(252.775.330)	-	
Cộng	1.001.748.902	(1.001.748.902)	-	1.001.748.902	(1.001.748.902)	-	



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	58.687.611	-	83.374.724	-
Công cụ, dụng cụ	31.407.406	-	165.073.086	-
Hàng hoá	486.696.024	-	1.013.937.501	-
Cộng	576.791.041	-	1.262.385.311	-

8. Chi phí trả trước

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí trả trước chờ kết chuyển	439.135.096	497.624.037
Giá trị còn lại Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	424.772.167	260.693.983
Cộng	863.907.263	758.318.020
b. Dài hạn		
Giá trị còn lại Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	123.111.112	28.301.904
Chi phí trả trước dài hạn khác	128.021.227	250.886.880
Chi phí nâng cấp bến sà lan	-	176.770.375
Cộng	251.132.339	455.959.159

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	33.918.316.201	12.386.052.727	7.166.098.727	53.470.467.655
Số tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	85.000.000	85.000.000
- Giảm do thanh lý nhượng bán	-	-	85.000.000	85.000.000
Số dư cuối năm	33.918.316.201	12.386.052.727	7.081.098.727	53.385.467.655
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	19.685.341.614	7.970.060.174	7.108.046.473	34.763.448.261
Số tăng trong năm	2.381.090.308	1.022.505.756	58.052.254	3.461.648.318
- Khấu hao trong năm	2.381.090.308	1.022.505.756	58.052.254	3.461.648.318
Số giảm trong năm	-	-	85.000.000	85.000.000
- Giảm do thanh lý nhượng bán	-	-	85.000.000	85.000.000
Số dư cuối năm	22.066.431.922	8.992.565.930	7.081.098.727	38.140.096.579
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	14.232.974.587	4.415.992.553	58.052.254	18.707.019.394
Tại ngày cuối năm	11.851.884.279	3.393.486.797	-	15.245.371.076

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.928.994.408 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Phải trả người bán

	Đơn vị tính: VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn				
Công Ty TNHH Cơ Giới Vận Tải Đường Việt	2.562.060	2.562.060	2.468.016.194	2.468.016.194
Công Ty TNHH Một Thành Viên Xăng Dầu Đình Gia Phát	-	-	299.520.000	299.520.000
Công Ty TNHH MTV Vận Tải Huy Hoàng Anh	2.604.563.628	2.604.563.628	1.723.201.401	1.723.201.401
Công Ty TNHH MTV Quốc Việt Hoa	-	-	2.293.095.802	2.293.095.802
Công Ty TNHH TMDV Xếp Dỡ Cảng Phía Nam	-	-	631.646.872	631.646.872
Công Ty TNHH MTV Cấp Thép Đức Vượng	84.905.000	84.905.000	-	-
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Giao Nhận Vận Tải Đăng Nguyên	4.119.385.447	4.119.385.447	-	-
Các nhà cung cấp khác	281.155.602	281.155.602	566.924.495	566.924.495
Cộng	7.092.571.737	7.092.571.737	7.982.404.764	7.982.404.764

Phải trả người bán với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2

11. Thuế và các khoản phải thu phải nộp nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Thuế Phải thu	Thuế Phải nộp	Thuế Phải thu	Thuế Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra (*)	-	9.198.579.708	9.094.935.645	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	194.217.441	842.852.373	746.601.259	-
Thuế thu nhập cá nhân	806.614	228.592.106	224.516.492	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (**)	-	2.469.618.686	2.469.618.686	-
Cộng	806.614	194.217.441	12.742.642.873	397.381.618

(*) Trong năm 2024 công ty đã điều chỉnh giảm kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào đồng thời thu hồi các khoản thuế GTGT đầu vào các hoá đơn của các nhà cung cấp được Cơ Quan Thuế đánh giá có rủi ro cao về thuế để nộp vào ngân sách nhà nước Số tiền: 7.898.229.316 VND.

(**) Đồng thời trong năm 2024 công ty cũng đã thu từ của các nhà cung cấp được Cơ Quan Thuế đánh giá có rủi ro cao về thuế để nộp vào ngân sách nhà nước khoản tiền phạt chậm nộp số tiền: 2.469.618.686 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Công Ty CP Cảng Đồng Nai	13.500.000.000	45,00%	13.500.000.000	45,00%
Vốn góp của Ông Nguyễn Quang Thuận	10.152.000.000	33,84%	10.152.000.000	33,84%
Vốn góp của các cổ đông khác	6.348.000.000	21,16%	6.348.000.000	21,16%
Cộng	30.000.000.000	100%	30.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(2.700.000.000)	(2.400.000.000)

d) Cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

15. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngoại tệ các loại		
- USD	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý	16.315.398	16.315.398

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	28.824.830.919	28.038.257.069
Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.544.428.734	67.825.991.971
Cộng	90.369.259.653	95.864.249.040

Doanh thu với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	27.629.707.990	26.721.946.380
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	55.398.100.456	60.470.576.427
Cộng	83.027.808.446	87.192.522.807

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	312.546.475	154.905.772
Cộng	312.546.475	154.905.772

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	154.968.400	153.468.400
Cộng	154.968.400	153.468.400

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	2.440.755.607	2.966.758.228
Chi phí khấu hao tài sản cố định	102.786.360	102.786.360
Chi phí dự phòng	-	75.832.599
Chi phí dịch vụ mua ngoài	472.240.602	341.135.818
Chi phí bằng tiền khác	754.770.372	522.085.950
Cộng	3.770.552.941	4.008.598.955

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu thanh lý tài sản cố định	25.000.000	-
Khoản thu từ các nhà cung cấp bị cơ quan thuế đánh giá rủi ro cao về thuế hoàn trả để công ty nộp ngân sách nhà nước	10.367.848.002	-
Thu nhập khác	100	830
Cộng	10.392.848.102	830

7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt vi phạm hành chính & truy thu thuế	13.100.893	-
Khoản điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào và khoản chậm nộp của các nhà cung cấp bị Cơ Quan Thuế đánh giá có rủi ro cao về thuế	10.367.848.002	-
Chi phí khác	40.063	49.979.556
Cộng	10.380.988.958	49.979.556

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.879.783.392	2.910.554.039
Chi phí nhân công	8.867.534.103	8.841.369.658
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.461.648.318	4.002.980.360
Chi phí dự phòng	-	75.832.599
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.415.692.811	44.134.774.873
Chi phí bằng tiền khác	1.698.963.173	4.667.132.253
Cộng	59.323.621.797	64.632.643.782

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.740.335.485	4.600.297.851
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	363.252.289	363.274.356
- Các khoản điều chỉnh tăng	363.252.289	363.274.356
+ Chi phí không được khấu trừ	363.252.289	363.274.356
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng lợi nhuận để tính thuế TNDN	4.103.587.774	4.963.572.207
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 20%	820.717.555	992.714.441
- Chi phí thuế TNDN những năm trước	22.134.818	84.325.500
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	842.852.373	1.077.039.941

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.897.483.112	3.523.257.910
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)	(347.697.973)	(422.790.949)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.549.785.139	3.100.466.961
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	850	1.033
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	850	1.033

(*) Ghi chú:

Các khoản điều chỉnh giảm để xác định lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông năm nay là giá trị kế hoạch năm 2024 trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được thông qua Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/BB-ĐHĐCD ngày 16/04/2024, số liệu chính thức sẽ được điều chỉnh khi thông qua Đại hội đồng Cổ đông năm 2025.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính năm 2024.

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin sự kiện sau niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1 Danh mục các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công Ty Cổ Phần Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết
Công Ty Cổ Phần Cảng Long Thành	Có cùng công ty liên kết
Ông Nguyễn Quang Thuận	

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu (không bao gồm VAT) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****2.2 Giao dịch với bên liên quan (tiếp theo)**

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND	
		Năm nay	Năm trước
Công Ty Cổ Phần Cảng Đồng Nai	Chi trả cổ tức	1.215.000.000	1.080.000.000
	Cung cấp dịch vụ	62.443.469.881	67.792.313.312
	Nhận cung cấp dịch vụ	882.727.146	595.566.220
Công Ty Cổ Phần Cảng Long Thành	Cung cấp dịch vụ	21.713.636	31.959.091
	Nhận cung cấp dịch vụ	56.259.900	25.480.500
Ông Nguyễn Quang Thuận	Chi trả cổ tức	913.680.000	812.160.000

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng (TM V.3)		
Công Ty Cổ Phần Cảng Đồng Nai	7.279.154.617	6.368.516.672
Phải thu khác (TM V.5)		
Công Ty Cổ Phần Cảng Đồng Nai	174.149.796	275.489.464
Phải trả người bán (TM V.10)		
Công Ty Cổ Phần Cảng Đồng Nai	952.128	82.120.226

Trong năm 2024, thu nhập của Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí tiền lương, thù lao	1.052.730.200	1.054.050.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ, kinh doanh thương mại tại Việt Nam do đó công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị số sách					Đơn vị tính: VND
	Số cuối năm		Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.078.792.633	-	7.911.262.022	-	-
Các khoản đầu tư tài chính	7.000.000.000	-	5.000.000.000	-	-
Phải thu khách hàng	12.640.845.756	(1.001.748.902)	11.591.358.963	(1.001.748.902)	(1.001.748.902)
Trả trước cho người bán	4.002.564	-	381.288.939	-	-
Phải thu khác	432.454.319	-	514.438.065	-	-
Cộng	29.156.095.272	(1.001.748.902)	25.398.347.989	(1.001.748.902)	(1.001.748.902)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị số sách		Đơn vị tính: VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải trả cho người bán	7.092.571.737	7.982.404.764	
Chi phí phải trả	108.420.119	-	
Các khoản phải trả khác	21.151.416	34.447.818	
Cộng	7.222.143.272	8.016.852.582	

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác và nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2023 và vào ngày 31/12/2024

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng: Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 10 năm	Cộng
Số cuối năm	7.222.143.272	-	7.222.143.272
Phải trả người bán	7.092.571.737	-	7.092.571.737
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.151.416	-	21.151.416
Chi phí phải trả	108.420.119	-	108.420.119
Số đầu năm	8.016.852.582	-	8.016.852.582
Phải trả người bán	7.982.404.764	-	7.982.404.764
Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.447.818	-	34.447.818
Chi phí phải trả	-	-	-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 1B-D3 - KP Bình Dương - Phường Long Bình Tân – Biên Hòa - Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ:

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính 2024, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu


Nguyễn Thị Hoàng Lan

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hoàng Lan

Giám Đốc



Lê Đức Bình

Đồng Nai, Ngày 14 tháng 03 năm 2025